TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2026/HS-ST
Ngày: 20-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Vui
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sanh
Ông Nguyễn Xuân Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:* Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2026/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/HSST-QĐ, ngày 24 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Quốc D** (tên gọi khác: Không) sinh ngày 03 tháng 10 năm 1988 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); căn cước công dân số: 077088000197, cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp: Bộ C4; nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đại H (sinh năm: không xác định) và mẹ là bà Huỳnh Thị Kim L (sinh năm: 1955); gia đình có 02 người hai anh em, bị cáo là con thứ 02; bị cáo có vợ tên Lê Thị Huyền C (sinh năm: 1988) và 01 con sinh năm: 2025; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/6/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm tạm số 1 – Công an thành phố Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Lê Xuân C1 –** Luật sư thuộc Công ty L2; địa chỉ: B L, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

*+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

- Ông Nguyễn Đức L1 – sinh năm: 1989; địa chỉ: Số D đường C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn Mười M – sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã Đ, tỉnh

Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Ông Huỳnh Quốc C2 – sinh năm: 1996; địa chỉ: E P, phường A, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

- Bà Lê Phạm Anh T – sinh năm: 2005; địa chỉ: K P, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Ông Hồ Đắc C3 – sinh năm: 1972; địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

- Bà Lê Thị Huyền C – sinh năm: 1988; địa chỉ: Ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/11/2024, anh Huỳnh Quốc C2 *(sinh năm: 1996; trú: Tổ H, P. A, Q. T, TP .)* đăng tin bán xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX-30, biển số: 43A-916.71 trên trang web: chotot.vn. Sau đó, có 01 tài khoản Zalo tên *"Huỳnh N"* nhắn tin đến anh C2 hỏi mua xe. Hai bên thỏa thuận mua xe với giá 630.000.000 đồng. *"Huỳnh N"* nói với anh C2 là chồng không đồng ý với giá này nên dặn anh C2 khi chồng của *"Huỳnh N"* đến xem xe thì nói xe này của người tên *"Thư",* nhờ anh C2 đứng tên giúp, anh C2 không được nói giá mua bán với chồng *"Huỳnh N"*. Khi ra công chứng thì *"Huỳnh N"* sẽ chuyển đủ số tiền 630.000.000 đồng cho anh C2. Anh C2 tưởng thật nên đồng ý.

Lúc 16 giờ 48 phút ngày 22/11/2024, có tài khoản Zalo tên *"T"* nhắn tin, chào bán xe ô tô trên với anh Nguyễn Đức L1 *(sinh năm: 1988; trú: Tổ B, P. C, TP .)*. *"Thư"* nói với anh L1 rằng chiếc xe ô tô hiệu Mazda CX-30, biển số: 43A-916.71 là của *"Thư"* nhưng nhờ anh trai là Huỳnh Quốc C2 đứng tên giúp trên giấy đăng ký xe, hai bên thống nhất bán xe với giá 530.000.000 đồng. *"Thư"* nói anh L1 rằng khi đến xem xe thì không thỏa thuận giá mua bán với anh C2. Lúc này, anh L1 đang ở Hà Nội nên gửi thông tin (địa chỉ, số điện thoại của anh C2) cho anh Hồ Đắc C3 *(sinh năm: 1972; trú: A N, P. T, TP . - là người cùng kinh doanh, góp vốn mua xe ô tô với anh L1)* để liên hệ kiểm tra xe. Tối ngày 22/11/2024, anh C3 đến nhà anh C2 xem, kiểm tra xe, khi ông C3 hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì anh C2 trả lời như *"Huỳnh N"* dặn và nói giá cả mua bán cứ làm việc với *"Thư"*, nên anh C3 quay về. Sau đó, *"Huỳnh N"* và *"Thư"* nhắn tin với anh L1 và anh C2 hẹn sáng ngày hôm sau đến văn phòng C5 để ký hợp đồng mua bán xe theo giá đã thỏa thuận riêng với hai bên, anh L1 thông báo lại cho anh C3 biết.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 23/11/2024, anh Hồ Đắc C3 và anh Huỳnh Quốc C2 cùng đến Văn phòng C5 - Số A đường B, P. H, TP . thực hiện việc công chứng mua bán xe 43A-916 71. Do giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân của anh C2 đã hết

hạn nên C2 và C3 thỏa thuận hai bên ký trước vào Hợp đồng mua bán xe ô tô đưa cho Văn phòng công chứng giữ, ông C3 sẽ đưa trước 300.000.000 đồng rồi lấy xe ô tô và giấy tờ đăng ký xe, sau khi anh C2 bổ sung giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân sẽ công chứng, ông C3 sẽ chuyển số tiền 230.000.000 đồng còn lại. Trong quá trình thương lượng, ông C3 và anh C2 đều nhắn tin trao đổi cho *"Huỳnh N"* và *"Thư"* biết, sau khi hai bên ký vào hợp đồng mua bán xe, ông C3 chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản số 107871846875, Ngân hàng TMCP C6, tên L3; 250.000.000 đồng vào tài khoản số: 7610816824, Ngân hàng TMCP Đ, tên Hoàng Quốc D.

Sau khi ông C3 chuyển tiền xong thì 02 tài khoản Zalo nói trên đều thu hồi tin nhắn, hủy kết bạn, xóa tài khoản, ông C3 biết bị lừa nên trình báo Cơ quan Công an quận H, TP ..

Đối với chị Lê Phạm Anh T *(sinh năm: 2005; trú: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp)*: là chủ số tài khoản số 107871846875, chị T kinh doanh quần áo online nên có công khai số tài khoản trên mạng xã hội. Sáng ngày 23/11/2024, bà T nhận được 50.000.000 đồng từ tài khoản của ông C3. Sau đó, anh C3 liên hệ nói do bị lừa và xin lại tiền nên chị T đã hoàn trả cho anh C3. Chị T khai không biết và không sử dụng tài khoản zalo tên *"Thư", "Huỳnh Như"*, chị T cũng chưa từng xuất cảnh đi Campuchia và không biết sự việc anh C3 bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với tài khoản số 7610816824, Ngân hàng B là của Hoàng Quốc D, quá trình điều tra xác định:

Tháng 7/2024, do không có công việc ổn định nên D được Phan Trọng V *(sinh năm: 1990; trú: Ấp P, xã T, thành phố Hồ Chí Minh)* giới thiệu đến làm việc tại công ty "AE888-ST666" địa chỉ: B, tỉnh Svay Rieng, Campuchia. D biết công ty này hoạt động về cá độ, tổ chức đánh bạc bằng tiền qua mạng và các hoạt động khác; D đồng ý thực hiện việc nhận, chuyển các khoản tiền của công ty cho dù đó là tiền bất hợp pháp. D đã mở 09 tài khoản tại các ngân hàng B, V3, M1, M2, T3, Đ, S1, S2, O và giao cho công ty quản lý, sử dụng. D làm việc tại bộ phận Banking, hàng ngày sau khi nhận thông báo trên nhóm Telegram của công ty thì D đến Phòng Tài vụ để quét sinh trắc học, chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình đến tài khoản ngân hàng khác. Những thao tác trên ứng dụng banking đều do phía nhân viên công ty T4, D chỉ thực hiện việc quét sinh trắc học. Trung bình hàng ngày, D thực hiện khoản 10 giao dịch, số tiền từ 15.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng. Đến tháng 12/2024 thì D nghỉ việc, về lại địa phương sinh sống.

Tổng số tiền các đối tượng đã giao dịch qua các tài khoản của Hoàng Quốc D là hơn 336.413.618.000 đồng. Cụ thể:

- của tài khoản 7610816824, Ngân hàng B thể hiện ngày 23/11/2024 có nhận số tiền 250.000.000 đồng. Tổng phát sinh giao dịch có của tài khoản này là 36.121.825.800 đồng, tổng tiền chuyển đi là 36.206.033.878 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 0784476434, Ngân hàng M3: Tổng tiền nhận là: 100.193.496.343 đồng, tổng tiến chuyển đi là 100.193.496.343 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 9784476434, Ngân hàng V3: Tổng tiền nhận là: 25.918.255.000 đồng; tổng tiền chuyển đi là: 25.917.928.000 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 0111561273, Ngân hàng V4: Tổng tiền nhận là: 7.991.910.238 đồng; Tổng tiền chuyển là: 7.992.161.053 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 0784476434, Ngân hàng S2: Tổng tiền nhận là 46.404.098.028 đồng. Tổng tiền chuyển là: 46.404.232.995 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 08086015151988, Ngân hàng M2: Tổng tiền nhận là: 25.037.330.000 đồng. Tổng tiền chuyển là 25.037.330.000 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 19050214782012, Ngân hàng T3: Tổng tiền nhận là: 3.205.206.222 đồng: Tổng tiền chuyển là 3.205.206.222 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 0007100020853007, Ngân hàng O: Tổng tiền nhận là: 31.843.263.150 đồng, tổng tiền chuyển là 31.843.263.150 đồng.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản số 000006636287, ngân hàng S1: Tổng tiền nhận là: 59.613.899.058 đồng. Tổng tiền chuyển là: 59.613.966.696 đồng.

Bên cạnh đó Hoàng Quốc D còn lấy 04 tài khoản ngân hàng của vợ là Lê Thị Huyền C *(sinh năm: 1988, trú: Ấp P, xã T, TP .)* gồm ngân hàng: S2; T3, S1, S3 để đưa cho công ty thực hiện các giao dịch chuyển tiền, đối với các giao dịch cần sinh trắc, D cung cấp hình ảnh và các video quay khuôn mặt của chị C cho công ty để sử dụng phần mềm thực hiện việc quét sinh trắc mà không cần chị C trực tiếp thực hiện. Khi lấy các tài khoản này, D nói là để đi làm mà không nói làm gì, chị C chỉ biết D đi làm cho công ty ở Campuchia chứ không biết công ty nào và làm cụ thể việc gì, không biết việc D làm quét sinh trắc học chuyển tiền cho công ty.

D được công ty trả 6.000.000 đồng/một tài khoản/ tháng, ngoài ra D còn được hưởng thêm các khoản phí khác như: hoa hồng theo phần trăm lượng giao dịch, ăn uống, sinh hoạt. Tổng số tiền D đã nhận được là 535.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này D đã sử dụng để trả nợ, chỉ tiêu cá nhân hết. Việc D nhận tiền công ty trả hàng tháng đều bằng cách chuyển khoản vào các tài khoản ngân hàng của D hoặc tài khoản ngân hàng của vợ là chị C *(chị C nhận lương theo hướng dẫn của D)*.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng của anh Hồ Đắc C3 chuyển vào tài khoản của D, được D quét sinh trắc học để chuyển đến tài khoản số 0585086605, Ngân hàng M1 của Nguyễn Thanh N1 *(sinh năm: 2000; trú: Khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau)*. Sau đó, lại được chuyển quay lại qua 02 tài khoản của D, gồm:

- Số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 0007100020853007, Ngân hàng O; Cơ quan CSĐT đã có công văn ủy thác đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C để làm việc với Nguyễn Thanh N1 nhưng chưa có kết quả. Số tiền này D tiếp tục chuyển vào các tài khoản, gồm:

+ Tài khoản số 070112865711, Ngân hàng S3 của Võ Đình K *(sinh năm: 1994; HKTT: Ấp F, xã C, tỉnh Tây Ninh)* số tiến 185.500.000 đồng, tài khoản này liền sau đó có chuyển 350.000.000 đồng đến tài khoản số 010710091976789, Ngân hàng O, tên NGUYEN VAN MINH.

+ Tài khoản số 749637, Ngân hàng O của Nguyễn Phương N2 *(sinh năm: 2002; trú: E N, phường T, thành phố Hồ Chí Minh)* số tiền 17.000.000 đồng.

+ Tài khoản số 8883924354, Ngân hàng B của Lê Thị Ngọc H1 *(sinh năm: 1987; trú: 2 Hồ T, phường C, thành phố Hồ Chí Minh)* số tiền 1.500.000 đồng.

+ Tài khoản số 8853814178, Ngân hàng B, tên TRAN DUY VU số tiền 1.010.000 đồng.

Những người này, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đã ủy thác điều tra, có công văn phối hợp xác minh nhưng chưa có kết quả.

+ Tài khoản số 106007048355, Ngân hàng V5 của Trần Văn Mười M *(sinh năm: 1982; trú: Tổ A, ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai)* số tiền 285.000 đồng. Anh M khai không biết và không liên quan gì đến hành vì Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Rửa tiền nêu trên. Anh M nhận 285.000 đồng từ tài khoản của D là do cá độ đá gà online vào ngày 23/11/2024 mà có.

- Số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản số 08086015151988, Ngân hàng M2, của Hoàng Quốc D sau đó được chuyển đến 35 tài khoản ngân hàng khác nhau, cơ quan CSĐT đã có công văn xác minh gửi đến các ngân hàng liên quan nhưng chưa có kết quả trả lời.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mazda CX-30, biển số: 43A-916.71, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm, đều mang tên Huỳnh Quốc C2.

- 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô có chữ ký, chữ viết của ông Hồ Đắc C3 và Huỳnh Quốc C2.

, màu tím, Imei 1: 353984101119873, Imei 2: 353984100967239 (bị hư tự tắt nguồn khi sử dụng), không gắn sim.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu trắng, Imei 1 số: 35864038 6070784, Imei 2 số: 358640386248786, gắn sim số: 0824411776.

- Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản: 107871846875 của Lê Phạm Anh T, mở tại ngân hàng V5 thể hiện ngày 23/11/2024 có nhận tiền vào tài khoản là 50.000.000 đồng.

- Tra cứu lịch sử xuất nhập cảnh của D thể hiện: Nhập cảnh ngày 29/9/2024; xuất cảnh ngày 04/10/2024; nhập cảnh ngày 11/11/2024; xuất cảnh ngày 15/11/2024; nhập cảnh ngày 21/12/2024.

- Trích sao nội dung tin nhắn Zalo của ông C3 nhắn tin với tài khoản có tên *"Huỳnh N"*.

Quá trình điều tra, Hoàng Quốc D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi cho thuê tài khoản và thực hiện chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng như trên. Lời khai của bị can phù hợp với vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

- Về xử lý vật chứng**:** Cơ quan CSĐT Công an T đã trả lại xe ô tô hiệu Mazda CX-30, biển số: 43A-916.71, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm cho chủ sở hữu Huỳnh Quốc C2 là có căn cứ.

- Về dân sự: Ông Hồ Đắc C3 đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng từ chị Lê Phạm Anh T. Bị cáo Hoàng Quốc D tự nguyện khắc phục cho anh C3 250.000.000 đồng, anh C3 không yêu cầu bồi thường gì thêm

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 05/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Hoàng Quốc D về tội "Rửa tiền" theo điểm a, b khoản 3 Điều 324 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước trình bày luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Hoàng Quốc D và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Quốc D phạm tội "Rửa tiền" và đề nghị:

***** Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 324; điểm b khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Hoàng Quốc D từ 11 năm 6 tháng tù đến 12 năm tù

***** Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng sau:

- 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mazda CX-30, biển số: 43A-916.71, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm, đều mang tên Huỳnh Quốc C2. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Huỳnh Quốc C2 là có cơ sở

, màu tím, Imei 1: 353984101119873, Imei 2: 353984100967239 (bị hư tự tắt nguồn khi sử dụng), không gắn sim không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu trắng, Imei 1 số: 35864038 6070784, Imei 2 số: 358640386248786, gắn sim số: 0824411776 của bị cáo Hoàng Quốc D liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 535.000.000 đồng của bị cáo do thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô có chữ ký, chữ viết của ông Hồ Đắc C3 và Huỳnh Quốc C2; Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản: 107871846875 của Lê Phạm Anh T, mở tại ngân hàng V5 thể hiện ngày 23/11/2024 có nhận tiền vào tài khoản là 50.000.000 đồng; Tra cứu lịch sử xuất nhập cảnh của D thể hiện: Nhập cảnh ngày 29/9/2024; xuất cảnh ngày 04/10/2024; nhập cảnh ngày 11/11/2024; xuất cảnh ngày 15/11/2024; nhập cảnh ngày 21/12/2024;

Trích sao nội dung tin nhắn Zalo của ông C3 nhắn tin với tài khoản có tên *"Huỳnh N"*.

* Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Hồ Quốc D1 trình bày ý kiến tranh luận như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì chưa đủ cơ sở xác định toàn bộ các khoản tiền mà D1 nhận, chuyển cho Công ty A khoảng 336.413.618.000 đồng là tiền do phạm tội mà có. Ngoại trừ, số tiền 250.000.000 đồng mà ông Hồ Đắc C3 đã chuyển vào tài khoản số 7610816824 mở tại Ngân hàng Đ mang tên Hoang Quoc D2 được xác định là số tiền do phạm tội mà có trong vụ án "Lừa đảo chiếm đảo chiếm đoạt tài sản" theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số 195/QĐ-CSHS ngày 16/6/2025 và được tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ theo quyết định tách vụ án hình sự số 250/QĐ-CSHS-Đ3.

Đối với việc xác minh nguồn gốc số tiền còn lại nói trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thực hiện việc yêu cầu tương trợ tư pháp số 6684/UTTPHS ngày 11/9/2025 (bút lục 481) và ủy thác tư pháp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại công văn số 11555/CSHS-Đ3 ngày 24/12/2025 (bút lục 486). Đồng thời, tiến hành việc thông báo tìm người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự trên phương tiện thông tin đại chúng theo văn bản số 11074/TB-CSHS-Đ3 ngày 16/12/2025.

Nhưng đến nay, chưa xác định thêm bất kỳ bị hại nào khác cũng như chưa xác định được nguồn tiền mà bị cáo Hoàng Quốc D nhận, chuyển thông qua tài khoản của bị cáo có nguồn gốc do phạm tội mà có.

Như vậy, đối với số tiền còn lại là 336.163.618.000 đồng sau khi trừ đi 250.000.000 đồng thì chưa có các "tài liệu" để xác định đây là nguồn tiền có được từ hành vi phạm tội theo hướng dẫn nêu trên. Vì vậy, Cáo trạng xác định bị cáo Hoàng Quốc D rửa tiền đối với số tiền 336.413.618.000 đồng để áp dụng tình tiết định khung theo điểm a, khoản 3 Điều 324 Bộ Luật hình sự là chưa có căn cứ và đi ngược lại nguyên tắc áp dụng pháp luật có lợi cho người phạm tội.

Đối với số tiền thu lợi bất chính là 535.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định bị cáo có được từ việc cho thuê các tài khoản ngân hàng là không đủ căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo D.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Hoàng Quốc D khai không biết được số tiền của các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt của bị hại là bao nhiêu tiền, bị cáo chỉ biết số tiền do các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt được của các bị hại là336.413.618.000 đồng sau khi bị cáo làm việc với Cơ quan điều tra; bị cáo D thừa nhận số tiền có được từ việc thu lợi bất chính từ hành vi "Rửa tiền" là 535.000.000 đồng.

- Bị cáo Hoàng Quốc D nói lời sau cùng: Đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đã ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Theo kết quả điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Từ tháng 7/2024 đến tháng 12/2024, bị cáo Hoàng Quốc D tham gia làm việc cho công ty "AE888-ST666" địa chỉ: B, tỉnh Svay Rieng, Campuchia, bị cáo D biết công ty này hoạt động về cá độ, tổ chức đánh bạc bằng tiền qua mạng và các hoạt động khác; bị cáo D đồng ý thực hiện việc nhận, chuyển các khoản tiền của công ty cho dù đó là tiền bất hợp pháp. Bị cáo D đã mở 09 tài khoản ngân hàng và lấy 04 tài khoản ngân hàng của vợ là Lê Thị Huyền C cho công ty sử dụng, bị cáo D trực tiếp quét sinh trắc học để thực hiện giao dịch chuyển tiền qua lại giữa nhiều tài khoản. Tổng số tiền bị cáo D đã thực hiện các giao dịch ngân hàng là 336.413.618.000 đồng *(trong đó có số tiền các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt của anh Hồ Đắc C3 là 250.000.000 đồng)*. Tổng số tiền bị cáo D thu lợi bất chính là 535.000.000 đồng.

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Hồ Quốc D1 và người bào chữa cho bị cáo D1 cho rằng Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 05/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng truy tố bị cáo Hồ Quốc D1 theo điểm a, b khoản 3 Điều 324 Bộ Luật hình sự là chưa đủ cơ sở vì Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định toàn bộ các khoản tiền mà bị cáo D1 nhận, chuyển cho Công ty A khoảng 336.413.618.000 đồng là tiền do phạm tội mà có. Ngoại trừ, số tiền 250.000.000 đồng mà ông Hồ Đắc C3 đã chuyển vào tài khoản số 7610816824 mở tại Ngân hàng Đ mang tên Hoang Quoc D2 được xác định là số tiền do phạm tội mà có trong vụ án "Lừa đảo chiếm đảo chiếm đoạt tài sản".

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập, lời khai của bị cáo Hồ Quốc D1 đã thừa nhận đã mở 09 tài khoản ngân hàng để cho Công ty A1 và Công ty S4 thuê lại với giá 6.000.000 đồng/ tháng và lấy 04 tài khoản ngân hàng của vợ là Lê Thị Huyền C cho công ty sử dụng; bị cáo

biết số tiền Công ty A chuyển vào các tài khoản của bị cáo là tiền cá độ, tổ chức đánh bạc bằng tiền qua mạng và lừa đảo chiếm đoạt người khác mà có (bút lục 178 đến 202). Căn cứ sao kê lịch sử giao dịch các tài khoản ngân hàng của bị cáo D1 cho Công ty A1 và Công ty S4 thuê tại Ngân hàng B, Ngân hàng M3, Ngân hàng V3, Ngân hàng V4, Ngân hàng S2, Ngân hàng M2, Ngân hàng T3, Ngân hàng O, Ngân hàng S1 với tổng số tiền là 336.413.618.000 đồng. Để các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt được số tiền nêu trên bị cáo đã quét sinh trắc học của bị cáo từ tài khoản bị cáo để chuyển tiền đến các tài khoản khác và bị cáo được trả tiền công 1% nếu trong tháng tổng số tiền nhận được đạt mốc 2.000.000.000 đồng. Bị cáo Hồ Quốc D1 phải nhận thức được hành vi hợp pháp hóa nguồn tiền do phạm tội mà có là hành vi phạm pháp về tội "Rửa tiền" nhưng vì mục đích hưởng lợi từ những giao dịch này quá lớn nên bị cáo D1 vẫn thực hiện. Như vậy, bằng nhận thức thông thường thì cũng có thể biết được số tiền trên do phạm tội mà có; đồng thời trong trường hợp này người phạm tội phải biết nguồn gốc nguồn tiền do phạm tội mà có.

[2.4] Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 535.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra bị cáo khai nhận Công ty chuyển trả lương vào tài khoản số 60001205433023 mở tại Ngân hàng A2 mang tên bị cáo, tài khoản này bị cáo sử dụng riêng để nhận tiền công từ Công ty A1 và Công ty S4, bị cáo không cho Công ty sử dụng tài khoản này. Căn cứ lịch sử giao dịch tài khoản số 60001205433023 mở tại Ngân hàng A2 mang tên bị cáo, các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập được và bị cáo thừa nhận hưởng lợi được 535.000.000 đồng từ hành vi "Rửa tiền" cho các đối tượng lừa đảo.

Trên cơ sở các hành vi khách quan, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo Hồ Quốc D1. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 05/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Hoàng Quốc D về tội "Rửa tiền" theo điểm a, b khoản 3 Điều 324 Bộ Luật hình sự đã truy tố đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Quốc D và ý kiến của bị cáo Hoàng Quốc D.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, nhưng vì lợi nhuận bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, đối với bị cáo cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội .

[3.2] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân tốt.

[4] Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ hình phạt:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội có tổ chức; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội "Rửa tiền" nhiều lần và lấy khoản thu lợi bất chính thu được từ hành vi "rửa tiền" làm nguồn thu nhập chính nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội có tổ chức" và "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo; đối với số tiền 250.000.000 đồng do ông Hồ Đắc C3 chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Đ số 7610816824 mang tên bị cáo Hồ Quốc D1, đây là số tiền do các đối tượng lừa đảo thực hiện có được, là tội phạm nguồn của tội "Rửa tiền", hiện nay Cơ quan điều tra đã có Quyết định tách số 250/QĐ-CSHS, ngày 09/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ để điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện trả lại số 250.000.000 đồng cho ông Hồ Đắc C3 là phù hợp theo hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP, ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; gia đình thuộc diện khó khăn và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp đụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng sau:

- 01 xe ô tô, nhãn hiệu Mazda CX-30, biển số: 43A-916.71, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng kiểm, đều mang tên Huỳnh Quốc C2. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Huỳnh Quốc C2 là có cơ sở

, màu tím, Imei 1: 353984101119873, Imei 2: 353984100967239 (bị hư tự tắt nguồn khi sử dụng), không gắn sim không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Hoàng Quốc D.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu trắng, Imei 1 số: 35864038 6070784, Imei 2 số: 358640386248786, gắn sim số: 0824411776 của bị cáo Hoàng Quốc D liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô có chữ ký, chữ viết của ông Hồ Đắc C3 và Huỳnh Quốc C2; Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản: 107871846875 của Lê Phạm Anh T, mở tại ngân hàng V5 thể hiện ngày 23/11/2024 có nhận tiền vào tài khoản là 50.000.000 đồng; Tra cứu lịch sử xuất nhập cảnh của D thể hiện: Nhập cảnh ngày 29/9/2024; xuất cảnh ngày 04/10/2024; nhập cảnh ngày 11/11/2024; xuất cảnh ngày 15/11/2024; nhập cảnh ngày 21/12/2024; Trích sao nội dung tin nhắn Zalo của ông C3 nhắn tin với tài khoản có tên *"Huỳnh N"*.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ Luật hình sự, buộc bị cáo Hồ Quốc D1 phải nộp số tiền 535.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn tại địa phương nên không áp dụng khoản 5 Điều 324 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo.

[8] Về dân sự:

- Ông Hồ Đắc C3 đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng từ chị Lê Phạm Anh T. Bị cáo Hoàng Quốc D tự nguyện trả lại cho ông C3 250.000.000 đồng, ông C3 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về vấn đề khác:

- Đối với chị Lê Thị Huyền C, có hành vi đưa 04 tài khoản ngân hàng đưa cho D nhưng do là vợ chồng nên D nói thì chị C đưa chứ không biết bị cáo D sử dụng phạm tội, nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ không xử lý là có căn cứ.

- Đối với Lê Phạm Anh T: Ngày 23/11/2024, tài khoản 107871846875, của bà T nhận được 50.000.000 đồng từ tài khoản của ông C3 chuyển đến nhưng không rõ lý do. Sau đó, thấy ông C3 liên hệ xin lại số tiền trên thì bà T đã hoàn trả đầy đủ số tiền trên cho ông C3, bà T khai không biết và không liên quan đến việc ông C3 bị lừa đảo, nên Cơ quan CSĐT Công an T không xử lý là có căn cứ.

- Đối với các đối tượng: Phan Trọng V, Võ Đình K, Nguyễn Thành N3, Nguyễn Phương N2, Trần Văn Mười M, Lê Thị Ngọc H1, Tran Duy V1 có liên quan đến hành vi rửa tiền của D: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã Uỷ thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để triệu tập ghi lời khai làm rõ hành vi của các đối tượng nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Hiện chưa xác định được đối tượng có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 300.000.000 đồng của ông C3. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Công an thành phố Đ Quyết định tách vụ án hình sự, hành vi và tài liệu có liên quan đến các đối tượng trên để tiếp tục điều tra làm rõ là có căn cứ.

Đối với các tài khoản Ngân hàng khác nhận tiền và chuyển tiền từ nguồn tiền của Hoàng Quốc D và Lê Thị Huyền C: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã tiến hành gửi yêu cầu xác minh chủ tài khoản, sao kê tài khoản đến các Ngân hàng, gửi ủy thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh trên cả nước tiến hành xác minh, triệu tập ghi lời khai để làm rõ nguồn tiền nhận từ các tài khoản trên nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Công an thành phố Đ Quyết định tách vụ án hình sự, hành vi và tài liệu có liên quan đến các đối tượng trên để tiếp tục điều tra làm rõ là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

- Bị cáo **Hoàng Quốc D** phạm tội *"Rửa tiền"*.

2. Căn cứ: điểm a, b khoản 3 Điều 324; điểm a, b khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- **Xử phạt**: Bị cáo Hoàng Quốc D **11 (mười một) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 27/6/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

, màu tím, Imei 1: 353984101119873, Imei 2: 353984100967239 (bị hư tự tắt nguồn khi sử dụng), không gắn sim cho bị cáo Hồ Quốc D1.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15, màu trắng, Imei 1 số: 35864038 6070784, Imei 2 số: 358640386248786, gắn sim số: 0824411776.

(Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2026).

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô có chữ ký, chữ viết của ông Hồ Đắc C3 và Huỳnh Quốc C2; Sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản: 107871846875 của Lê Phạm Anh T, mở tại ngân hàng V5 thể hiện ngày 23/11/2024 có nhận tiền vào tài khoản là 50.000.000 đồng; Tra cứu lịch sử xuất nhập cảnh của D1 thể hiện: Nhập cảnh ngày 29/9/2024; xuất cảnh ngày 04/10/2024; nhập cảnh ngày 11/11/2024; xuất cảnh ngày 15/11/2024; nhập cảnh ngày 21/12/2024; Trích sao nội dung tin nhắn Zalo của ông C3 nhắn tin với tài khoản có tên *"Huỳnh N"*.

4. Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Hồ Quốc D1 phải nộp số tiền 535.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Hoàng Quốc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

6. Về thời hạn kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THADS TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đình Vui